

Bản án số: 101/2024/DS-PT

Ngày 25/4/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Diệu Hiền

Bà Trần Thị Trâm Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Võ Văn K, sinh năm: 1988; (có mặt)

Chị Huỳnh Thị Kim A, sinh năm: 1990; (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Anh Võ Văn K, Chị Huỳnh Thị Kim A - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 10/10/2022 (nhằm ngày 15/9/2022 âm lịch) vợ chồng anh K, chị Kim A có đến nhà của bà hỏi vay số tiền gốc là 55.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.750.000 đồng/tháng, thời hạn vay đến

ngày 06/01/2023 (nhằm ngày 15/12/2022 âm lịch) trả tiền gốc và tiền lãi. Khi vay, cả hai bên có làm biên nhận nợ.

Khi đến hạn trả nợ, anh **K** và chị **Kim A** chỉ trả được tiền lãi đến ngày 05/02/2023 (nhằm ngày 15/01/2023 âm lịch) mà không có trả tiền gốc. Tuy nhiên, anh **K** và chị **Kim A** có hẹn lại 03 tháng sau sẽ trả hết tiền gốc và tiền lãi cho bà nhưng khi đến hạn trả nợ, anh **K** và chị **Kim A** đòi dỡ phần đồ đạc còn trong nhà đã thuê của bà **H** xong thì anh chị mới trả nợ.

Do đó, bà **H** có nhờ chính quyền địa phương giải quyết thì anh **K**, chị **Kim A** cho rằng anh chị đã trả cho bà **H** xong phần tiền gốc và chỉ còn nợ lại số tiền lãi là 11.000.000 đồng. Bà **H** khẳng định, anh **K** và chị **H** đã trả tiền lãi cho bà đến ngày 05/02/2023 (nhằm ngày 15/01/2023 âm lịch) và còn nợ lại bà số tiền gốc 55.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu anh **K** và chị **Kim A** trả cho bà số tiền gốc đã vay là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/02/2023 âm lịch cho đến khi kết thúc vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Võ Văn K** và chị **Huỳnh Kim A** trình bày như sau: Anh **K** và chị **Kim A** xác nhận, vợ chồng anh chị có vay của bà **H** số tiền gốc là 55.000.000 đồng và thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng là 2.750.000 đồng như bà **H** trình bày là đúng.

Trong quá trình vay, vợ chồng anh chị có trả lãi cho bà **H** hàng tháng. Tính đến tháng 01/2023, anh chị còn nợ lại bà **H** 11.000.000 đồng tiền lãi, đối với số tiền gốc anh chị đã trả cho bà **H** xong vào khoảng giữa tháng 01/2023. Khi trả tiền gốc cho bà **H**, chỉ có mặt 02 người chị của bà **H** (người chị thứ 2 và chị thứ 4, không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) ngoài ra không có ai khác và cũng không có giấy tờ để chứng minh. Đến khi anh chị hẹn trả tiền lãi, bà **H** có đến nhà anh chị để đòi tiền thì giữa 02 bên có xảy ra cự cãi không thống nhất được với nhau, việc này anh chị có ghi âm lại.

Việc anh chị không yêu cầu bà **H** xé giấy biên nhận khi trả xong phần tiền gốc là do anh chị quên. Vài ngày sau, khi anh chị nhớ đến việc có biên nhận nợ thì anh chị trực tiếp gặp bà **H** để yêu cầu bà **H** xé giấy nợ. Tuy nhiên, bà **H** cho rằng khi nào anh chị trả số tiền lãi 11.000.000 đồng thì bà xé biên nhận nợ. Ngoài ra, anh chị có yêu cầu bà **H** cho tháo dỡ phần đồ trong nhà thuê của bà **H** thì bà **H** cản trở không cho anh chị tháo dỡ.

Nay, anh chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà **H**. Anh chị chỉ đồng ý trả cho bà **H** số tiền lãi còn nợ là 11.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà **H** cho anh chị tháo dỡ phần đồ mà anh chị đã đầu tư trong lúc anh chị thuê nhà.

* Người làm chứng, bà **Nguyễn Thị D** khai như sau: Bà là chị ruột của bà **Nguyễn Thị H**, không có mối quan hệ họ hàng với anh **Võ Văn K** và chị **Huỳnh Kim A**. Bà **D** thường xuyên đến nhà bà **H** chơi, anh **K** và chị **Kim A** là người thuê nhà của bà **H** nên bà **D** có gặp và quen biết. Bà **D** không biết việc bà **H** cho anh **K** và chị **Kim A** vay tiền, đến khi 02 bên có xảy ra mâu thuẫn thì bà **D** mới biết.

Bà **D** khẳng định, từ trước đến nay bà không lần nào nhìn thấy và cũng không nghe nói việc bà **H** và anh **K**, chị **Kim A** giao nhận hay đưa tiền với nhau.

* *Người làm chứng, bà Nguyễn Thị M khai như sau:* Bà là chị ruột của bà **Nguyễn Thị H**, không có mối quan hệ họ hàng với anh **Võ Văn K** và chị **Huỳnh Kim A**. Bà **M** quen biết với anh **K** và chị **Kim A** là do anh **K** và chị **Kim A** thuê nhà của bà **H** nên khi bà **M** đến nhà bà **H** chơi thì có gặp và quen biết. Trong những lần bà **M** đến nhà bà **H** chơi thì không có lần nào nhìn thấy bà **H** và anh **K**, chị **Kim A** giao nhận tiền gì với nhau.

Việc vay mượn giữa hai bên như thế nào bà **M** cũng không biết, đến khi bà **H** khởi kiện anh **K**, chị **Kim A** thì bà mới biết do trước khi khởi kiện giữa 02 bên có xảy ra mâu thuẫn về việc tháo dỡ đồ trong lúc thuê nhà, nội dung cụ thể bà **M** không rõ. Bà **M** khẳng định, bà không nhìn thấy việc bà **H** và anh **K**, chị **Kim A** giao nhận hay đưa tiền với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị H** đối với anh **Võ Văn K**, chị **Huỳnh Kim A**.

2. Buộc vợ chồng anh **Võ Văn K**, chị **Huỳnh Kim A** trả cho bà **Nguyễn Thị H** tổng số tiền gốc và lãi là **61.965.700 đồng** (Sáu mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng) sau khi án có hiệu lực. Trong đó, tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 25/10/2023 là 6.965.700 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 26/10/2023 bị đơn anh **Võ Văn K** và chị **Huỳnh Kim A** kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án số 66/2023/DS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành vì anh chị cho rằng vay bà **H** 55.000.000 đồng và đã trả xong nhưng do thiếu hiểu biết nên không lấy lại biên nhận, chỉ còn nợ lại 11.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà **H** đòi tiền gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi 11.000.000 đồng vợ chồng chị không đồng ý.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng chị **A**, anh **K**, Hội đồng xét xử xét về phía bà **H** khởi kiện đòi anh **K**, chị **A** trả nợ vay gốc số tiền 55.000.000 đồng và tiền lãi và cung cấp chứng cứ giấy biên nhận nợ ngày 15/9/2022 âm lịch xác nhận việc anh **K**, chị **A** vay của chị **H** 55.000.000 đồng chưa trả nợ gốc và tiền lãi từ 15/01/2023 âm lịch đến nay chưa trả. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh **K**, chị **A** trình bày cũng thừa nhận số tiền vay gốc của chị **H** là 55.000.000 đồng nhưng đã trả nợ gốc rồi, trả lần đầu vào tháng 01/2023 không nhớ ngày là 45.000.000 đồng, sau đó, trả 10.000.00 đồng cũng trong tháng 01/2023 và chỉ còn nợ lại tiền lãi 11.000.000 đồng, do tin tưởng nên không lấy lại giấy biên nhận nợ, nhưng anh **K**, chị **A** không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền gốc đã trả, nhưng anh chị có cung cấp chứng cứ chứng minh việc ghi âm các bên tranh cãi và văn bản ghi lại nội dung có thể hiện sự việc con bà **H** là **Nguyễn Kiều D1** có nói việc chị **A** trả số tiền 55.000.000 đồng tiền gốc. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập lời khai chị **D1** và không tổ chức họp đối chất giữa các bên để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bà **H** cũng trình bày là bà chưa nghe nội dung ghi âm này. Ngoài ra việc bà **H** cho vay với lãi suất cao, các bên đương sự đều thừa nhận, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tính lại lãi suất trong khi bên vợ chồng anh **K**, chị **A** có ý kiến đã trả nợ vay gốc cho bà **H** hết rồi và chị còn nợ tiền lãi 11.000.000 đồng là có sai sót. Phía vợ chồng anh **K**, chị **A** có trình bày ý kiến yêu cầu được tháo dỡ đồ vật liệu xây dựng đã đầu tư theo hợp đồng thuê nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm đơn phản tố là có sai sót.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về tố tụng và thu thập chứng cứ không đầy đủ nên thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía anh **K**, chị **A** không phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng do bản án sơ thẩm bị hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm Tòa án sẽ xem xét khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng anh **Võ Văn K**, chị **Huỳnh Kim A** không phải nộp án phí mỗi người 300.000 đồng, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho anh **K**, chị **A** mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0001125, 0001126 cùng ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Diệu Hiền Trần Thị Trâm Anh L

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM	
Thẩm phán	Thẩm phán	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Rạch Giá;
- CCTHADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

Thẩm phán **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lâm S

